

Số: 23 /2019/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 07 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế phối hợp trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý VPHC;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 276/TTr-STP ngày 27 tháng 6 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế phối hợp trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 15

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi tắt là Quy chế), cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề của Điều 8 Quy chế như sau: “Tham mưu giải quyết, xử lý các vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện; vụ việc vi phạm hành chính đặc biệt nghiêm trọng, có tính chất phức tạp và kiểm tra, đôn đốc việc thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính”.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Khoản 3 Điều 8 Quy chế như sau:

“2. Đối với các vụ việc vi phạm hành chính đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đã được cơ quan, đơn vị tham mưu xử lý vụ việc tham vấn ý kiến chuyên môn của ngành chủ quản cấp trên nhưng vẫn chưa thống nhất quan điểm, hướng xử lý vụ việc, khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, rà soát lại toàn bộ hồ sơ vụ việc và có văn bản đề xuất, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định pháp luật. Trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có thể tham vấn thêm ý kiến của Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi thi hành pháp luật thuộc Bộ Tư pháp để đề xuất, tham mưu xử lý vụ việc.

3. Đối với các vụ việc vi phạm hành chính có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của những chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc cấp tỉnh, của Chủ tịch UBND cấp huyện còn có nhiều ý kiến khác nhau, không thống nhất thì tùy từng trường hợp các cơ quan, đơn vị có thể gửi văn bản (kèm toàn bộ hồ sơ vụ việc liên quan) đến Sở, ngành chuyên môn liên quan để tham vấn ý kiến trước khi quyết định xử phạt. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ vụ việc, các Sở, ngành chuyên môn liên quan phải có văn bản trả lời cho cơ quan, đơn vị gửi văn bản đề nghị.

Trường hợp tổ chức họp, Giấy mời họp kèm toàn bộ hồ sơ vụ việc phải được gửi cho các thành viên trước 05 ngày làm việc (tính đến ngày tổ chức cuộc họp); các cơ quan, đơn vị không tham dự họp phải có ý kiến bằng văn bản.”

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 12 Quy chế như sau:

“2. Việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu Quốc gia về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo các quy

định của Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh.”

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 13 Quy chế như sau:

“2. Các Sở, Ban, ngành và UBND cấp huyện có trách nhiệm gửi số liệu thống kê công tác xử lý vi phạm hành chính về Sở Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước và Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điểm b, Khoản 3, Điều 13 Quy chế như sau:

“b) Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm và thời hạn gửi báo cáo được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NCKSTTHC (H b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hai